

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-PT

Ngày: 14/01/2020

V/v tranh chấp QSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hà;
Ông Đinh Viết Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Đỗ Hoàng Sâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th; chị Nguyễn Thị Thùy D; chị Nguyễn Thị Th (Bà Nguyễn Thị Th có mặt).

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D, chị Nguyễn Thị Th: Bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ); Trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị (Giấy ủy quyền lập ngày 09/5/2019), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T; trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T; trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Hướng Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Năm 1994, vợ chồng bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn D được bà Nguyễn Thị T (me chồng) tặng cho quyền sử dụng đất. Sau đó ông D, bà Th xây dựng ngôi nhà gỗ để ở. Ngày 11/7/2008 UBND huyện Hướng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 217722 cho bà Th, ông D được với diện tích 350m², thửa đất số 532, tờ bản đồ số 01. Ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T đã xây dựng bể nước và công trình vệ sinh sử dụng trên diện tích đất của bà Th, ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Ngày 01/4/2010 ông Dũng chết và *chị* Nguyễn Thị T, *chị* Nguyễn Thị Thùy D là con ông D, bà Th thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Ngày 22/3/2019 bà Th xây dựng nhà ở thì ông K, bà T đã có hành vi cản trở không cho bà Th xây dựng vì cho rằng bà Th đã xây dựng lấn chiếm đất của ông K, bà T.

Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, *chị* Nguyễn Thị T, *chị* Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T phải chấm dứt hành vi cản trở việc bà Nguyễn Thị Th xây dựng nhà ở và buộc ông K, bà T phải tháo dỡ công trình gồm 01 bể nước, một phần công trình vệ sinh đã xây dựng lấn chiếm trên đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Th để trả lại đất cho nguyên đơn.

Bị đơn Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Ngày 14/11/2005 UBND huyện Hướng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 217678 cho ông K, bà T với diện tích 315m², thửa đất số 169, tờ bản đồ số 01. Nguồn gốc thửa đất trên được mẹ chồng là bà Nguyễn Thị T tặng cho năm 1997 và sau đó ông K, bà T xây 01 bể nước làm ranh giới giữa 2 gia đình. Năm 2000 ông K, bà T có mua thêm của bà Ngô Thị L (thỏa thuận miệng) diện tích đất với giá 2.000.000 đồng.

Cuối năm 2000, bà T và ông K xây dựng 01 nhà vệ sinh trên diện tích đất mua của bà L. Khi bà Th xây nhà có yêu cầu ông K, bà T tháo dỡ bể nước, ông K và bà T đồng ý tháo dỡ trả lại đất cho bà Th. Còn công trình vệ sinh, bà T và ông K không đồng ý tháo dỡ vì cho rằng đó là diện tích đất mua của bà L. UBND huyện Hướng Hóa đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D, bà Th chồng lấn lên diện tích đất của bà T, ông K.

Vì vậy, bà Lê Thị Thanh T, ông Nguyễn K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguồn gốc diện tích thửa đất 350m² của ông D, bà Th được UBND huyện Hướng Hóa cấp GCNQSD đất có nguồn gốc do bà tặng cho con. Nay xảy ra tranh chấp đất giữa 2 gia đình, bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn việc bà T, ông K có mua thêm đất của bà Ngô Thị L là đúng, nhưng bà T không biết ông K, bà T mua với diện tích bao nhiêu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 1, khoản 10 Điều 12; khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Th được thực hiện quyền sử dụng diện tích 350 m² đất, thửa đất số 532, tờ bản đồ số 01 tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 217722 ngày 11/7/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn D. Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn K không được cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn K phải tháo dỡ 01 bể nước và một phần công trình vệ sinh đã xây lấn sang từ ranh giới giữa hộ bà Lê Thị Thanh T, ông Nguyễn K với hộ bà Nguyễn Thị Th lên trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Th tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 01 tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 217722 ngày 11/7/2008.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1751/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị với lý do:

1. Về việc xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm:

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 chỉ thể hiện nội dung thời điểm xây dựng bể nước và công trình vệ sinh.

- Tại sơ đồ đo vẽ hiện trạng thực tế sử dụng đất của gia đình bà Th và ông K, bà T và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 không thể hiện công trình vệ sinh được đo vẽ, mô tả kích thước hiện trạng.

- Vị trí thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, bà T cạnh phía Đông dài 30,5m (25,0m + 5,5m), nhưng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 dài 33m; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Hưng dài 30,5m, nhưng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 cạnh phía Tây giáp đất hộ Đoàn Kh dài 33m.

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 mô tả vị trí thửa đất hiện trạng đang sử dụng của ông K, bà T phía Đông giáp đất ông D, bà Th dài 23,15m, nhưng mô tả vị trí thửa đất hiện trạng đang sử dụng của ông D, bà Th đang sử dụng cạnh phía Tây giáp đất ông K, bà T dài 24,85m trong khi 2 hộ có chung ranh giới sử dụng đất.

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 thể hiện thửa đất ông D, bà Th đang sử dụng cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 9 dài 14,5m; cạnh phía Bắc giáp đất ông K, bà T dài 13,5m, nhưng sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất thể hiện cạnh giáp Quốc lộ 9 dài 14,85m; cạnh giáp đất ông K, bà T dài 13,97m.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2019 và sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất không chính xác và mâu thuẫn về số liệu, chưa mô tả tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu tháo dỡ là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 101 BLTTDS năm 2015.

2. Về nội dung của bản án sơ thẩm:

Theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 19/TB-TLVA ngày 22/5/2019 và Bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa đều xác định quan hệ pháp luật là *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm, Tòa án lại quyết định: *“... bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn K không được cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Th”* là không đúng quan hệ pháp luật và không có cơ sở vì trong hồ sơ vụ án chưa có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà T, ông K có hành vi cản trở, gây khó khăn cho việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Th.

Bản án sơ thẩm quyết định: *“Buộc bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn K phải tháo dỡ 01 bể nước và một phần công trình vệ sinh đã xây lấn sang từ ranh giới giữa hộ bà Lê Thị Thanh T, ông Nguyễn K với hộ bà Nguyễn Thị Th...”*. Bản án sơ thẩm không tuyên buộc bị đơn trả đất cho nguyên đơn là thiếu và khó khăn cho công tác thi hành án.

Hồ sơ vụ án thể hiện việc Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa có tiến hành biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng tại phần nhận định và quyết định của bản án không đề cập đến chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là chưa đầy đủ nội dung của bản án sơ thẩm. Điểm c khoản 1 Điều 266 BLTTDS quy định: *“Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng...”*.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của

BLTTDS. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Quyết định kháng nghị thẩm số 1751/QĐ-VKS-DS ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa theo hướng buộc ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T phải tháo dỡ 01 bể nước và một phần công trình vệ sinh theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thùy D diện tích 7,6m² đất.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thùy D buộc bị đơn ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T phải chấm dứt hành vi cản trở việc bà Nguyễn Thị Th xây dựng nhà ở.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Th, chị D, chị D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông K, bà T phải tháo dỡ các công trình xây dựng gồm 01 bể nước và một phần khu nhà vệ sinh để trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định khoản 9 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Thời hạn kháng nghị: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị nằm trong hạn luật định, nên chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] - Đối với quyền sử dụng đất của ông K, bà T, thấy:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 217678 do UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 14/11/2005 cho ông K, bà T thừa đất số 169, tờ bản đồ số 01 với diện tích đất 315m² có vị trí: Cạnh phía Đông giáp đất ông D, bà Th dài 25m và giáp đất hộ ông Lê Thanh H dài 5,5m; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông Đoàn Hải H dài 30,5m; cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 9 dài 8,1m; cạnh phía Nam giáp đất ông D, bà Th dài 13,5m; cạnh phía Bắc giáp Khe Cạn dài 21,0m;

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2019 hiện trạng thực tế sử dụng đất của ông K, bà T có vị trí như sau: Cạnh phía Đông giáp đất hộ ông D, bà Th 23.15m + 1.7m và giáp đất hộ ông Lê Thanh H dài 6.3m; cạnh phía Tây giáp đất

ông Đoàn Hải H dài 37m (5,6m + 23.15m + 8.4m); cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 9 dài 8.13m; cạnh phía Bắc giáp đất Khe cạn dài 21,0m. Như vậy, hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông K, bà T sử dụng diện tích đất lớn hơn so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 315 m².

- Đối với quyền sử dụng đất của hộ ông D, bà Th:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 217722 do UBND huyện Hướng Hóa cấp ngày 11/7/2008 cho ông D, bà Th với diện tích đất 350m² tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 01 có vị trí: Cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Lê Thanh H dài 25m; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông K, bà T dài 25m; Cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 9 dài 14,5m; Cạnh phía Bắc giáp đất hộ ông K, bà T dài 13,5m.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có vị trí như sau: Cạnh phía Đông giáp đất hộ ông Lê Thanh H dài 24,85m; Cạnh phía Tây giáp đất hộ ông K, bà T dài 24,85m (23,15 + 1,7m); Cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 9 dài 14,5m; Cạnh phía Bắc giáp đất hộ ông K, bà T dài 13,5m. Tuy nhiên, ở cạnh phía Tây giáp đất ông K, bà T có một phần bể nước tính từ cạnh phía Đông của bể nước vào cạnh phía Tây rộng 1,65m và dài 2,75m nằm trên diện tích đất của ông D, bà Th là 4.4 m² và một phần hầm phốt rộng 1,65m, dài 1,55m, trên hầm phốt có một phần nhà vệ sinh rộng 0,46m, dài 1,55m nằm trên diện tích đất của ông D, bà Th là 3.2 m² do ông K, bà T xây dựng.

Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm cũng như Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn ông K, bà T đồng ý tháo dỡ bể nước trả diện tích đất 4.4 m² cho ông D, bà Th. Không đồng ý tháo dỡ một phần hầm phốt rộng 1,65m, dài 1,55m và một phần nhà vệ sinh rộng 0,46m, dài 1,55m nằm trên diện tích đất là 3.2m² vì diện tích đất này do ông K, bà T cho rằng đã mua của bà Ngô Thị L với giá 2.000.000 đồng, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K, bà T không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Việc bị đơn ông K, bà T xây dựng các công trình trên diện tích đất của ông D, bà Th đã được UBND huyện Hướng Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 217722 ngày 11/7/2008 với diện tích 350m² là trái pháp luật quy định Điều 174 và Điều 175 BLDS năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ *Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, nhưng xử buộc bà T, ông K phải tháo dỡ 01 bể nước và một phần công trình vệ sinh đã xây lấn sang diện tích đất của gia đình bà Th, nhưng lại không xác định vị trí và diện tích của các công trình cần phải tháo dỡ và không tuyên buộc bị đơn trả diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn là không có cơ sở.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và sửa bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T phải tháo dỡ một phần bể nước rộng 1,65m, dài 2,75m nằm trên diện tích đất của ông D, bà Th là 4.4 m² và một phần hầm phốt rộng 1,65m, dài 1,55m, trên hầm phốt có một phần nhà vệ sinh rộng 0,46m, dài 1,55m nằm trên diện tích đất của ông D, bà

Th là 3.2 m² để trả diện tích 7,6m² đất cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thùy D.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía bị đơn ông K, bà T cho rằng không có hành vi cản trở bà Th xây dựng nhà và bà Th cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông K, bà T có hành vi cản trở bà Th xây dựng nhà, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn xây dựng là không có cơ sở. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị về nội dung này.

[3.3] Đối với nội dung kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng tại phần nhận định và quyết định của bản án không xem xét chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện các chứng từ, chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 07/8/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

[5] Về án phí: Bị đơn ông K, bà T phải chịu án số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phí DSST.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157, 158 BLTTDS số tiền xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm đã chi là 1.600.000 đồng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông K, bà T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng và phải trả số tiền này cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Điều 158 của BLTTDS năm 2015; Điều 174 và Điều 175 BLDS năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thùy D.

Buộc bị đơn ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T phải tháo dỡ một phần bể nước có vị trí như sau: Cạnh phía Tây quyền sử dụng đất của ông D, bà Th giáp đất ông K, bà T tính từ điểm đầu từ đường Quốc lộ 9 vào cuối cạnh phía Tây có một phần bể nước rộng 1,65m, dài 2,75m để trả cho bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thùy D diện tích đất là 4.4 m²

Buộc bị đơn ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T phải tháo dỡ một phần bể hầm phốt và một phần nhà vệ sinh có vị trí như sau: Cạnh phía Tây quyền sử dụng đất của ông D, bà Th giáp đất ông K, bà T tính từ Quốc lộ 9 vào cuối cạnh phía Tây giáp bể nước có một phần bể hầm phốt rộng 1,65m, dài 1,55m, trên hầm phốt có một phần nhà vệ sinh rộng 0,46m, dài 1,55m để trả cho bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thùy D diện tích đất là 3.2 m².

(Kèm theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị).

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn K, bà Lê Thị Thanh T phải chịu 1.600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Hướng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

